

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT
Ngày 17 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2022/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1962 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1; Địa chỉ: Số 68, Phường 1, thị xã N, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C, sinh năm 1981; Địa chỉ HKTT: Ấp O, thị trấn P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu; Địa chỉ liên hệ: Số 45H, đường R, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Bị đơn:* **Tổng Công ty B**; Địa chỉ trụ sở chính: Số 104, đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông D – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: (Văn bản ủy quyền số 3728/UQ-BHBV ngày 15/8/2022)

1. Ông E, sinh năm 1968; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý giám định bồi thường xe cơ giới – Ban GĐBTXCG (có mặt)

2. Bà G, sinh năm 1997; Chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế & kiểm tra nội bộ (có mặt)

3. Ông H, sinh năm 1975; Chức vụ: Phụ trách Phòng Hỗ trợ & phát triển kinh doanh – Công ty B1 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty B1**; Địa chỉ: Lô 20, đường Y, Khóm 6, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J - Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

2. Ông K, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 20, đường Y, Khóm 6, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Tổng Công ty B kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông A do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 15/10/2018 Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân A1 do ông A là chủ doanh nghiệp có ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 với Công ty B1 tại địa chỉ lô 20, đường Y, khóm 6, phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 16/6/2019 tài sản bảo hiểm tại Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 đã phát sinh sự kiện bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty B không thực hiện bồi thường cho doanh nghiệp như hợp đồng đã ký kết. Nay ông A yêu cầu Tổng Công ty B chi trả số tiền bảo hiểm tổng cộng là 3.300.000.000 đồng, trong đó bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3 là 100.000.000 đồng và bảo hiểm vật chất xe là 3.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba là 75.188.000 đồng.

** Bị đơn Tổng Công ty B, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H trình bày:*

Công ty B1 có ký kết hợp đồng bảo hiểm với Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân A1 như nguyên đơn trình bày. Tại hợp đồng bảo hiểm đã ký kết thì giữa hai bên thỏa thuận việc bảo hiểm cho xe ô tô biển kiểm soát 69B-004.42 với tổng số phí bảo hiểm phải thu là 70.470.000 đồng, số phí bảo hiểm được chia làm 3 kỳ thanh toán như thể hiện tại hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng thì vào ngày 26/10/2018 chủ xe đã thanh toán phí bảo hiểm của kỳ 1 đúng hạn như thỏa thuận. Đồng thời, theo thỏa thuận thì chủ xe có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm của kỳ 2 là vào ngày 26/02/2019 nhưng chủ xe Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân A1 không thanh toán đúng hạn, đến ngày 17/6/2019 xe ô tô biển kiểm soát 69B-004.42 xảy ra tổn thất, bảo hiểm không có hiệu lực (do chủ xe chưa thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2) nên tổn thất của xe 69B-004.42 xảy ra ngày 17/6/2019 tại Z, tỉnh Sóc Trăng không thuộc trách nhiệm bồi thường của B. Như vậy, tại thời điểm xe bị tai nạn xảy ra tổn thất thì bảo hiểm không có hiệu lực do chưa nộp phí bảo hiểm cho kỳ 2, do đó, Tổng Công ty B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K trình bày:* Ông là người trực tiếp thu phí bảo hiểm của khách hàng và nộp về Công ty B1. Đối với hợp Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018 với Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân A1 do ông A là chủ doanh nghiệp, phí bảo hiểm kỳ 2 phải đóng vào ngày 26/02/2019 với số tiền là 21.500.000 đồng nhưng đã quá thời hạn ông A vẫn chưa thanh toán. Đến 08 giờ 30 phút, ngày 17/6/2019 ông A mới thanh toán phí bảo hiểm của kỳ 2 với số tiền là 21.500.000 đồng, ông là người trực tiếp thu và xuất hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 17/6/2019, sau đó, ông nộp tiền về Công ty B1 trong ngày. Đến ngày 19/6/2019 Công ty B1 thu hồi lại hóa đơn giá trị gia tăng ngày 17/6/2019 và trả lại tiền phí bảo hiểm kỳ 2 cho ông A, do việc thu không hợp lệ vì xe ô tô biển kiểm soát 69B-004.42 đã xảy ra

cháy nổ vào lúc 02 giờ ngày 17/6/2019 tại Sóc Trăng trước thời gian ông A nộp phí bảo hiểm của kỳ 2.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty B1 do ông J có ý kiến trình bày tại đơn xin vắng mặt:*

Ngày 17/6/2019 chủ xe ô tô biển kiểm soát 69B-004.42 thông báo là xe đang lưu thông từ Vũng Tàu về Cà Mau khi đến khu vực Y, thị trấn W, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng thì gặp sự cố cháy xe. Tiếp nhận thông báo của khách hàng, công ty B1 đã hỗ trợ khách hàng giám định, thu thập hồ sơ báo cáo Tổng Công ty B theo phân cấp giải quyết bồi thường. Đối chiếu hợp đồng đã ký kết thì thời điểm xảy ra tổn thất chỉ nhánh Doanh nghiệp tư nhân A1 chưa thanh toán phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng. Chính vì vậy ngày 11/09/2019 Tổng Công ty B đã có công văn số 5345/BHBV-GĐBT XCG thông báo từ chối bồi thường cho chỉ nhánh Doanh nghiệp tư nhân A1.

Từ nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5 và điểm 2 khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 306, 319 Luật thương mại; Điều 16, Điều 17; Điều 18; Điều 46; Điều 47; Điều 48, 55 Luật kinh doanh Bảo hiểm, sửa đổi, bổ sung năm 2010; Khoản 1 Điều 14 Nghị định 03 ngày 15/01/2021 về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 về việc buộc Tổng Công ty B chi trả số tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba số tiền 75.188.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 về việc yêu cầu Tổng Công ty B chi trả số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018, do xe ô tô 69B – 004.42 bị cháy nổ vào ngày 17/6/2019.

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 thanh toán phí bảo hiểm kỳ 02 cho Tổng Công ty B. Buộc ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 phải thanh toán phí bảo hiểm kỳ 02 cho Tổng Công ty B số tiền 21.500.000 đồng.

2.2. Buộc Tổng Công ty B phải bồi thường cho ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 số tiền bảo hiểm đối với thiệt hại xe ô tô biển kiểm soát số 69B – 004.42 tổng cộng là 3.224.812.000 đồng (Ba tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu tám

trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3 là 24.812.000 đồng và bảo hiểm vật chất xe là 3.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07 tháng 4 năm 2022, bị đơn Tổng Công ty B kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (dấu bưu cục nơi gửi ghi ngày 05/4/2022). Bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A – chủ Doanh nghiệp tư nhân A1; nếu buộc phải bồi thường thì yêu cầu xác định lại giá trị xe và yêu cầu nguyên đơn giao trả chiếc xe là tài sản bị thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:* Nguyên đơn ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 mua bảo hiểm cho xe khách mục đích kinh doanh, bị đơn Tổng Công ty B kinh doanh bảo hiểm, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm đối với bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại với quan hệ tranh chấp hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ngày 15/10/2018 doanh nghiệp tư nhân A1 do ông A là chủ doanh nghiệp có ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 với Công ty B1. Công ty B1 là công ty thành viên, hạch toán kinh doanh phụ thuộc vào Tổng công ty B. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện Tổng Công ty B là đúng đối tượng khởi kiện. Mặc khác, Công ty B1 có trụ sở đặt tại thành phố M, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ pháp luật và đúng thẩm quyền theo

quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Đối với nguyên đơn đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông C; Bị đơn đã ủy quyền cho ông E, bà G và ông H; Ông C và ông E, bà G, ông H có mặt tại phiên tòa. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về nội dung:* Tất cả các đương sự đều thống nhất xác định giữa Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân A1 và Công ty B1 có ký kết Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, không có tranh chấp về điều khoản và giá trị hợp đồng. Theo nội dung Hợp đồng bảo hiểm thể hiện hai bên thỏa thuận Công ty B1 nhận bảo hiểm cho xe ô tô biển kiểm soát số 69B – 004.42, tổng cộng phí bảo hiểm là 70.470.000 đồng. Phí bảo hiểm được chia làm 03 kỳ thanh toán như sau:

Kỳ 01: Ngày 26/10/2018 thanh toán số tiền: 27.470.000 đồng.

Kỳ 02: Ngày 26/02/2019 thanh toán số tiền: 21.500.000 đồng.

Kỳ 03: Ngày 26/06/2019 thanh toán số tiền: 21.500.000 đồng.

Hiệu lực bảo hiểm từ 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2018 đến 24 giờ 00 phút ngày 26/10/2019.

Sau khi ký kết hợp đồng, Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân A1 đã thanh toán phí bảo hiểm của kỳ 01 đúng thời hạn và Công ty B1 đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ xe Chi nhánh doanh nghiệp A1, số biển kiểm soát 69B-004.42, loại xe ô tô Khách – TRACOMECO, 42 chỗ ngồi, mục đích sử dụng kinh doanh vận tải.

Tất cả các tình tiết, sự kiện trên là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng bảo hiểm: Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018 được ký kết đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Đồng thời, bên mua bảo hiểm đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 và bên bán bảo hiểm đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng, là cơ sở xác nhận việc giao kết hợp đồng bảo hiểm và phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Do đó, về nội dung và hình thức hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018 phù hợp với Điều 12, 13, 14 của Luật kinh doanh Bảo hiểm.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[7.1] Thời điểm phát sinh sự kiện bảo hiểm: Vào khoảng 02 giờ ngày 17/6/2019, xe ô tô biển kiểm soát 69B-004.42 do tài xế Nguyễn Duy Hiếu đang

lưu thông đến địa bàn ấp Y, thị trấn W, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng bị bốc cháy. Căn cứ Kết luận giám định số 3005 ngày 22/7/2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (BL 126) và Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 17/6/2019 (BL 128-129) tại ấp Y, thị trấn W, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng thể hiện xe ô tô khách biển số 69B – 004.42 bị cháy toàn bộ. Như vậy, tại thời điểm xe bị cháy toàn bộ, tài sản bảo hiểm tại Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 đã phát sinh sự kiện bảo hiểm.

[7.2] Thời điểm đóng phí bảo hiểm kỳ 2: Nguyên đơn ông A khẳng định đã đóng phí bảo hiểm kỳ 2 vào ngày 16/6/2019 trước khi xảy ra tổn thất, bị đơn Tổng Công ty B căn cứ thời gian xuất Hóa đơn thu phí kỳ 2 ngày 17/6/2019 để xác định thời điểm đóng phí bảo hiểm kỳ 2. Xét thấy, nguyên đơn xác định vào ngày 16/6/2019 ông K (là người phụ trách quản lý thu phí bảo hiểm) đã trực tiếp đến gặp và thu phí bảo hiểm kỳ 2 từ ông A tại chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân A1 ở thị xã N; do ông K đi thành phố Hồ Chí Minh về ghé thu tiền, không thể xuất hóa đơn trong ngày 16/6/2019, ông K nói ngày mai (tức là ngày 17/6/2019) sẽ xuất hóa đơn cho ông A và đến ngày 17/6/2019 ông A đã nhận hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 17/6/2019 từ ông K. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp chứng cứ trong vụ án như Tờ tường trình ghi ngày 20/6/2019 của ông K là người phụ trách quản lý thu phí bảo hiểm đối với Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD 080 ngày 15/10/2018 tường trình vụ việc với Công ty B1 và Tổng Công ty B (BL 185). Theo nội dung Tờ tường trình, ông K thừa nhận: *“Tôi hẹn ngày 15/6/2019 thu nhưng vì tôi đưa con đi thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh nên sau khi về mới đến khách hàng thu”*. Tại Biên bản lấy lời khai ông K ngày 12/4/2021 tại Tòa án cấp sơ thẩm (BL 261-264) ông K xác nhận bản tường trình đề ngày 20/6/2019 là do ông K viết.

[7.3] Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ông K ngày 12/4/2021, ông K xác định ông thu phí bảo hiểm kỳ 2 trực tiếp từ ông A vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 17/6/2019, tại Doanh nghiệp tư nhân A1. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản ghi lời khai ông A tại Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Z, tỉnh Sóc Trăng (BL 209) được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập theo đúng trình tự pháp luật quy định thể hiện ông A có mặt làm việc trực tiếp tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Z, tỉnh Sóc Trăng, bắt đầu làm việc từ *lúc 07 giờ 30 phút ngày 17/6/2019* và kết thúc buổi làm việc *lúc 09 giờ 20 phút ngày 17/6/2019*, có chữ ký ông A ký tại biên bản.

[7.4] Chứng cứ chứng minh thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 17/6/2019 ông A không có mặt tại Doanh nghiệp tư nhân A1 còn có lời khai của ông F - Phó phòng hỗ trợ phát triển kinh doanh tại Công ty B1 (Biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2022 - BL 705-709), ông F xác định khi xảy ra sự cố cháy xe, *“... Vào khoảng 06 giờ 00 phút sáng ngày 17/6/2019 tôi có nhận cuộc điện thoại từ ông J - Giám đốc công ty nói với tôi là xe ông A bị cháy ở Sóc Trăng nên kêu tôi cùng ông Lạc đến hiện trường. Vào buổi sáng khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/6/2019 thì tôi, ông Lạc, ông K và ông A cùng có mặt tại hiện trường sự việc xe bị cháy...”*. Lời khai này của ông F cũng phù hợp với ý kiến của ông J - đại diện theo pháp luật của Công ty B1. Như vậy, phía Công ty B1 đã thừa nhận có tiếp nhận thông tin tại nạn xảy ra từ ông A vào buổi sáng ngày 17/6/2019. Do đó,

thời điểm Công ty B1 xuất hóa đơn thu phí bảo hiểm kỳ 2 cho ông A thì Công ty B1 đã biết sự việc cháy nổ xe nhưng vẫn xuất hóa đơn. Vì vậy, đủ căn cứ xác định ông A đóng phí bảo hiểm kỳ 2 trước khi xảy ra thiệt hại, Công ty B1 đã chấp nhận thu phí và đã thu đủ phí bảo hiểm kỳ 2 của Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân A1.

[7.5] Từ những nhận định trên, đủ căn cứ chứng minh việc ông K xác định ông thu phí bảo hiểm kỳ 2 trực tiếp từ ông A vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 17/6/2019, tại Doanh nghiệp tư nhân A1 không thể xảy ra trên thực tế, vì thời điểm này ông A đang ở Công an huyện Z, tỉnh Sóc Trăng, không thể có mặt tại Doanh nghiệp tư nhân A1 để nộp phí vào lúc 08 giờ 30 phút như ông K trình bày. Cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai của ông K thu phí bảo hiểm kỳ 2 trực tiếp từ ông A vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 17/6/2019, tại Doanh nghiệp tư nhân A1 mà chấp nhận thời điểm ông A đã nộp phí bảo hiểm kỳ 2 cho Công ty B1 vào ngày 16/6/2019 do ông K là người trực tiếp thu trước khi xảy ra thiệt hại cho xe ô tô khách biển số 69B – 004.42 là có căn cứ, có xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện, đúng quy định pháp luật.

[8] Bên cạnh đó, hiệu lực bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018 là 01 năm kể từ 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2018 đến 24 giờ 00 phút ngày 26/10/2019, các bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ông A đóng bảo hiểm kỳ 1 đúng thời hạn và bên bán bảo hiểm đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho bên mua vào ngày 15/10/2018. Ngoài ra, đủ căn cứ bên mua bảo hiểm đóng bảo hiểm kỳ 2 trước khi xảy ra tổn thất. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 5.3, Điều 5 của hợp đồng bảo hiểm quy định về khôi phục hiệu lực phần thời gian hiệu lực còn lại của hợp đồng và căn cứ Điều 15 của hợp đồng bảo hiểm quy định về thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định trường hợp này thuộc trường hợp được bảo hiểm nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chi trả số tiền bảo hiểm phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018, do xe ô tô 69B – 004.42 bị cháy nổ vào ngày 17/6/2019 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[9] Theo đơn kháng cáo của bị đơn còn đặt ra vấn đề nếu buộc phải bồi thường thì yêu cầu xác định lại giá trị xe và buộc nguyên đơn giao trả chiếc xe. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/3/2022 (BL 734-795) đại diện bị đơn đã thống nhất giá trị xe là 3.200.000.000 đồng, không yêu cầu định giá và thống nhất xe hỏng hoàn toàn không còn công năng sử dụng nên không yêu cầu gì đối với chiếc xe. Do đó, tại cấp sơ thẩm bị đơn không đặt ra các yêu cầu này nên không được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết do vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[10] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty B.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số

04/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Án phí phúc thẩm: Do bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty B. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 306, 319 Luật thương mại; Điều 16, Điều 17; Điều 18; Điều 46; Điều 47; Điều 48, 55 Luật kinh doanh Bảo hiểm, sửa đổi, bổ sung năm 2010; Khoản 1 Điều 14 Nghị định 03 ngày 15/01/2021 về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 về việc buộc Tổng Công ty B chi trả số tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba số tiền 75.188.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 về việc yêu cầu Tổng Công ty B chi trả số tiền bảo hiểm phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số BLI.D03.OTO.18.HD080 ngày 15/10/2018, do xe ô tô 69B – 004.42 bị cháy nổ vào ngày 17/6/2019.

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 thanh toán phí bảo hiểm kỳ 02 cho Tổng Công ty B. Buộc ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 phải thanh toán phí bảo hiểm kỳ 02 cho Tổng Công ty B số tiền 21.500.000 đồng.

2.2. Buộc Tổng Công ty B phải bồi thường cho ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 số tiền bảo hiểm đối với thiệt hại xe ô tô biển kiểm soát số 69B – 004.42, tổng cộng là 3.224.812.000 đồng (Ba tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu tám trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3 là 24.812.000 đồng và bảo hiểm vật chất xe là 3.200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định theo Điều 306 Luật thương mại.

3. Về án phí:

3.1. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Tổng Công ty B phải chịu 96.496.240 đồng;

Buộc ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 phải chịu 3.000.000 đồng. Ông A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A1 đã nộp tạm ứng án phí 49.000.000 đồng theo biên lai số 0006936 ngày 03/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (do ông C nộp thay) được đối trừ 3.000.000 đồng, ông A được nhận lại số tiền 46.000.000 đồng.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng Công ty B phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tổng Công ty B đã nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tại Biên lai thu số 0007524 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M được chuyển thu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng, hoàn lại cho Tổng Công ty B số tiền 1.000.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt